

Số 580/QĐ-TĐTTĐN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025
của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-TĐTTĐN ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-TĐTTĐN ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế thi năng khiếu tuyển sinh đại học;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TĐTTĐN ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Đề án thi năng khiếu tuyển sinh đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2025.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu, Chủ tịch HĐQT;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT; ĐTQLKHHTQT.



THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

Hình thức đào tạo: Chính quy

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG
- Mã trường trong tuyển sinh:** TTD
- Địa chỉ các trụ sở:**
 - **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
 - **Địa chỉ cơ sở 2:** Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://dsu.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02363.746631; 0973427101; Email: tuyensinh.ttd@gmail.com.
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>;
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://dsu.edu.vn/cong-khai-chat-luong>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp Thể dục thể thao đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện:

- Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (*không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh...; không bị dị hình, dị tật, khuyết tật*). Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học nhà Trường sẽ tổ chức khám sức khỏe, nếu thí sinh có kết luận của cơ quan y tế không đủ khả năng học tập vì lý do sức khỏe và bệnh lý thì thí sinh không đủ điều kiện theo học tại Trường.
- Thí sinh đã nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo quy định;
- Có kết quả điểm thi môn năng khiếu đối với các phương thức, tổ hợp có xét tuyển môn thi năng khiếu TĐTT;
- Thí sinh đã đăng ký, điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

2. Phương thức tuyển sinh

Các phương thức tuyển sinh, bao gồm: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu Thể dục thể thao (TDTT):

2.1. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (mã 301)

2.1.1. Đối tượng được tuyển thẳng

- Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

- Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á;

** Lưu ý:* Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

2.1.2. Đối tượng Ưu tiên xét tuyển: Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng tại mục 2.1.1 được ưu tiên xét tuyển vào ngành học do thí sinh đăng ký (nếu không dùng quyền tuyển thẳng);

** Lưu ý:* Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.2. Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi tuyển năng khiếu TDTT (mã 405);

Xét tuyển thí sinh có kết quả điểm thi các môn văn hóa theo tổ hợp đăng ký xét tuyển của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và điểm thi môn năng khiếu TDTT do Trường tổ chức.

2.3. Xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) kết hợp điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT (mã 406);

Xét tuyển thí sinh có kết quả điểm học tập các môn văn hoá lớp 12 THPT theo tổ hợp xét tuyển và điểm thi năng khiếu TDTT.

2.4. Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT – mã 100 (Áp dụng đối với ngành Quản lý TDTT; chuyên ngành Khoa học vận động ngành Huấn luyện thể thao)

Xét tuyển thí sinh có kết quả điểm thi các môn văn hóa của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển.

2.5. Xét tuyển điểm học tập THPT – mã 200 (Áp dụng đối với ngành Quản lý TDTT; chuyên ngành Khoa học vận động ngành Huấn luyện thể thao)

- Xét tuyển thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT theo tổ hợp môn xét tuyển;

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- *Đối tượng không áp dụng ngưỡng đầu vào:* Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển; Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế.

- Thí sinh nộp đầy đủ hồ sơ và đảm bảo tính chính xác các minh chứng về các chế độ ưu tiên diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

3.1.2. Phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi tuyển năng khiếu TDTT (Mã 405)

Thí sinh đảm bảo các điều kiện về ngưỡng đầu vào như sau:

TT	Ngành xét tuyển	Điều kiện đảm bảo ngưỡng đầu vào
1	Giáo dục thể chất	- Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
2	Quản lý Thể dục thể thao	- Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10). - Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường quy định
3	Huấn luyện thể thao	- Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10). - Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường quy định

3.1.3. Phương thức xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) kết hợp điểm thi tuyển năng khiếu TDTT (Mã 406)

Thí sinh đảm bảo các điều kiện về ngưỡng đầu vào như sau:

TT	Ngành xét tuyển	Điều kiện đảm bảo ngưỡng đầu vào
1	Giáo dục thể chất	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức khá (học lực xếp loại khá)</i> trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
2	Quản lý Thể dục thể thao	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức đạt (học lực xếp loại trung bình trở lên)</i> theo tổ hợp môn xét tuyển. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
3	Huấn luyện thể thao	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức đạt (học lực xếp loại trung bình trở lên)</i> theo tổ hợp môn xét tuyển. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

3.1.4. Phương thức xét tuyển điểm thi THPT – Mã 100: (Áp dụng đối với ngành Quản lý Thể dục thể thao; chuyên ngành Khoa học vận động ngành Huấn luyện thể thao)

Thí sinh đảm bảo các điều kiện đầu vào như sau:

- Xét tuyển thí sinh có kết quả điểm thi các môn văn hóa thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường

3.1.5. Phương thức xét tuyển điểm học tập (học bạ cả năm lớp 12) THPT – Mã 200

Thí sinh đảm bảo các điều kiện ngưỡng đầu vào như sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình trở lên) theo tổ hợp môn xét tuyển;
- Tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.00 điểm trở lên.

3.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển của thí sinh được xác định theo ngành đăng ký và theo các phương thức tuyển sinh.

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm xét tuyển của thí sinh, bao gồm tổng điểm các tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).

- Thang điểm, quy tắc quy đổi điểm tương đương xác định thí sinh trúng tuyển giữa các phương thức được Trường công bố sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và sau khi có kết quả thi THPT.

3.2.1. Điểm xét tuyển ngành Giáo dục thể chất:

Điểm xét tuyển = $[Đ_{VH} + Đ_{NK1} + Đ_{NK2}] + Đ_{UT}$

Trong đó: - $Đ_{VH}$: Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- $Đ_{NK1}$: Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

- $Đ_{NK2}$: Là điểm môn năng khiếu TDTT chuyên ngành

Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2) chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, không làm tròn điểm thi năng khiếu.

- $Đ_{UT}$: Điểm ưu tiên = $Đ_{UT}$ khu vực + $Đ_{UT}$ đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

3.2.2. Điểm xét tuyển ngành Quản lý TDTT:

3.2.2.1. Phương thức có tổ hợp sử dụng điểm thi môn năng khiếu:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH}} + \text{Đ}_{\text{NK1}} + \text{Đ}_{\text{NK2}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - Đ_{VH} : Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

- Đ_{NK2} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chuyên ngành

- Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2) chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, không làm tròn điểm thi năng khiếu.

- Đ_{UT} : Điểm ưu tiên = Đ_{UT} khu vực + Đ_{UT} đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

3.2.2.2. Phương thức không có môn thi năng khiếu:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{M1}} + \text{Đ}_{\text{M2}} + \text{Đ}_{\text{M3}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - Đ_{M1} ; Đ_{M2} ; Đ_{M3} : Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- Đ_{UT} : Điểm ưu tiên = Đ_{UT} khu vực + Đ_{UT} đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

3.2.3. Điểm xét tuyển ngành Huấn luyện thể thao:

3.2.3.1. Phương thức có tổ hợp sử dụng điểm thi môn năng khiếu:

$$\text{- Điểm xét tuyển} = [\mathbf{Đ}_{\text{VH}} + \mathbf{Đ}_{\text{NK1}} + \mathbf{Đ}_{\text{NK2}}] + \mathbf{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - $\mathbf{Đ}_{\text{VH}}$: Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- $\mathbf{Đ}_{\text{NK1}}$: Là điểm môn năng khiếu TĐTT chung

- $\mathbf{Đ}_{\text{NK2}}$: Là điểm môn năng khiếu TĐTT chuyên ngành

- Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2) chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, không làm tròn điểm thi năng khiếu.

- $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$: Điểm ưu tiên = $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$ khu vực + $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$ đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

* Lưu ý: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

3.2.2.2. Phương thức không có môn thi năng khiếu:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\mathbf{Đ}_{\text{M1}} + \mathbf{Đ}_{\text{M2}} + \mathbf{Đ}_{\text{M3}}] + \mathbf{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - $\mathbf{Đ}_{\text{M1}}$; $\mathbf{Đ}_{\text{M2}}$; $\mathbf{Đ}_{\text{M3}}$: Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$: Điểm ưu tiên = $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$ khu vực + $\mathbf{Đ}_{\text{UT}}$ đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Số 44 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	TTD	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất (Nhóm ngành Đào tạo giáo viên)	Theo chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao	<p>Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.</p> <p>Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT. T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p> <p>Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TĐTT. T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p>	Xét tuyển khi có đầy đủ các điều kiện thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP.
2.	TTD	Cử nhân Quản lý thể dục thể thao	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Nhóm ngành Thể dục thể thao)	100	<p>Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.</p> <p>Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT. T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p> <p>Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TĐTT.</p>	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						<p>T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2 Phương thức 4: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp: B03: Toán - Ngữ văn - Sinh học C01: Toán - Ngữ văn - Vật lý C03: Toán - Ngữ văn - Lịch sử C04: Toán - Ngữ văn - Địa lí X01: Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật X03: Toán – Ngữ văn – Công nghệ công nghiệp X04: Toán – Ngữ văn – Công nghệ nông nghiệp</p> <p>Phương thức 5: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) theo các tổ hợp: B03: Toán - Ngữ văn - Sinh học C01: Toán - Ngữ văn - Vật lý C03: Toán - Ngữ văn - Lịch sử C04: Toán - Ngữ văn - Địa lí X01: Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật X03: Toán – Ngữ văn – Công nghệ công nghiệp</p>	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						X04: Toán – Ngữ văn – Công nghệ nông nghiệp	
3.	TTD	Cử nhân Huấn luyện viên thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao (Nhóm ngành Thể dục thể thao)	700	<p>Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.</p> <p>Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TDDT. T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p> <p>Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TDDT. T01: Toán – NK1 – NK2 T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p> <p>Phương thức 4 (sử dụng chuyên ngành Khoa học vận động): Xét điểm thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp: B03: Toán - Ngữ văn - Sinh học C01: Toán - Ngữ văn - Vật lý C03: Toán - Ngữ văn - Lịch sử C04: Toán - Ngữ văn - Địa lí X01: Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật X03: Toán – Ngữ văn – Công nghệ công nghiệp</p>	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						<p>X04: Toán – Ngữ văn – Công nghệ nông nghiệp</p> <p>Phương thức 5 (sử dụng chuyên ngành Khoa học vận động): Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) theo các tổ hợp:</p> <p>B03: Toán - Ngữ văn - Sinh học C01: Toán - Ngữ văn - Vật lý C03: Toán - Ngữ văn - Lịch sử C04: Toán - Ngữ văn - Địa lí X01: Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật X03: Toán – Ngữ văn – Công nghệ công nghiệp X04: Toán – Ngữ văn – Công nghệ nông nghiệp</p>	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

5.1. Các điều kiện sử dụng xét tuyển:

5.1.1. Áp dụng cho tất cả các ngành và các tổ hợp có điểm thi năng khiếu TDTT

Tiêu chí 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Tiêu chí 2: Thẻ hình cân đối, có sức khỏe tốt, không bị dị tật, khuyết tật, dị hình, không bị bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh.

Tiêu chí 3: Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện đăng ký xét tuyển theo phương thức, tổ hợp xét tuyển/thi tuyển.

Tiêu chí 4: Có tham gia dự thi tuyển đầu vào môn năng khiếu TDTT đối với các ngành/tổ hợp bắt buộc kiểm tra năng khiếu do Trường Đại học TDTT Đà Nẵng tổ chức và đạt ngưỡng điểm năng khiếu quy định theo ngành đăng ký xét tuyển.

Tiêu chí 5: Thí sinh đã đăng ký, hoặc điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>;

5.1.2. Áp dụng cho ngành Quản lý TDTT, chuyên ngành Khoa học vận động ngành Huấn luyện thể thao và các tổ hợp không sử dụng điểm thi năng khiếu TDTT

Tiêu chí 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Tiêu chí 2: Thẻ hình cân đối, có sức khỏe tốt, không bị dị tật, khuyết tật, dị hình, không bị bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh.

Tiêu chí 3: Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện đăng ký xét tuyển theo phương thức, tổ hợp xét tuyển/thi tuyển.

Tiêu chí 4: Thí sinh đã đăng ký, hoặc điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>;

5.2. Điểm cộng: Không có

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

Thí sinh không trúng tuyển vào ngành thứ nhất sẽ được xét vào ngành thứ 2 theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển (nếu còn chỉ tiêu). Nguyên tắc xét tuyển giữa 2 ngành là: ưu tiên xét tuyển hết nguyện vọng 1 sau đó còn chỉ tiêu mới xét nguyện vọng 2 và các nguyện vọng tiếp theo.

5.4. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng các tiêu chí xét tuyển ở **mục 5.1**, điểm trúng tuyển lấy từ thí sinh có điểm cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

- Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì thí sinh nào có điểm thi năng khiếu cao hơn thì được ưu tiên xếp cao hơn (*đối với ngành/tổ hợp có thi tuyển môn năng khiếu*), đối với các ngành/tổ hợp không thi tuyển năng khiếu thì xét tuyển thí sinh nào có điểm môn chính cao hơn thì được ưu tiên xếp cao hơn.

- Các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành, các phương thức của Trường được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Tất cả các NVXT của thí sinh ở các phương thức đều được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT, mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất

trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo các điều kiện trúng tuyển;
- Xét tuyển mức điểm riêng biệt giữa tổ hợp có môn năng khiếu và tổ hợp không có môn năng khiếu theo chỉ tiêu của từng ngành.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian, hình thức thi năng khiếu TĐTT

Tổ chức thi tuyển năng khiếu tại Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 17/5 – 18/5/2025;
- Đợt 2: Từ ngày 12/7 – 13/7/2025;
- Đợt bổ sung: Dự kiến tháng 8 - 9/2025 (nếu còn chỉ tiêu)

6.2. Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký thi và xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển năng khiếu TĐTT: Từ tháng 3 năm 2025 đến trước 05 ngày của các đợt thi môn năng khiếu.

- Hình thức và địa điểm nhận hồ sơ tuyển sinh năng khiếu TĐTT: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại đường link sau: <https://dsu.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh>;

Thí sinh nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ:

Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng, số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Điện thoại 0236.746631; Hotline: 0915090123; 0973427101.

- Hồ sơ đăng ký thi tuyển và xét tuyển bao gồm:

- + Phiếu đăng ký dự tuyển môn năng khiếu TĐTT (theo mẫu 1)
- + Học bạ THPT bản photo công chứng (nộp sau khi có kết quả học tập);
- + Căn cước công dân (bản photo);
- + Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước) hoặc pho to công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025; (nộp sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT);
- + 2 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như: con liệt sĩ, con thương binh, đối tượng ở vùng 1, vùng đặc biệt khó khăn.... nếu thuộc trong các đối tượng này.

Nếu thí sinh là VĐV thuộc đối tượng tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển, miễn thi năng khiếu thì nộp thêm các loại giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng;
- Phiếu đăng ký xét miễn thi;
- Quyết định cử VĐV đi thi đấu tại các giải Quốc tế chính thức hoặc Giấy xác nhận là thành viên của đội tuyển quốc gia tham dự các giải quốc tế chính thức; hoặc Giấy chứng nhận đạt huy chương.

Quyết định công nhận đẳng cấp VĐV kiện tướng, dự bị kiện tướng, VĐV đẳng cấp 1, cấp 2 hoặc bản sao công chứng giấy chứng nhận đạt huy chương, đạt giải của các giải vô địch Quốc gia, khỏe Phù Đổng toàn quốc, Đại hội TĐTT toàn quốc, giải thể thao học sinh toàn quốc, giải trẻ khu vực, giải trẻ quốc gia và giải quốc tế.

6.3. Nội dung thi tuyển môn năng khiếu TDTT

6.3.1. Nội dung, hình thức thi tuyển môn năng chung (NK1): Bắt buộc đối với các ngành Giáo dục thể chất, ngành Quản lý TDTT, ngành Huấn luyện thể thao (trừ các phương thức, tổ hợp **không** có môn thi năng khiếu).

TT	Ngành	Nội dung thi
1	Giáo dục thể chất	1) Bật xa tại chỗ (cm) 2) Chạy 100m (giây)
2	Huấn luyện thể thao	
3	Quản lý TDTT	

6.3.2. Nội dung thi năng khiếu chuyên ngành (NK2)

Đối với ngành Giáo dục thể chất, ngành Huấn luyện thể thao thí sinh chọn một (01) trong các môn thể thao chuyên ngành sau:

Chuyên ngành	Nội dung thi
Điền kinh	Chọn 01 trong các nội dung: Chạy 100m (giây), chạy 800m (giây), đẩy tạ (m) nhảy cao (m), nhảy xa (m)
Thể dục	1) Dẻo gập thân (cm) 2) Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)
Thể thao dưới nước (Bơi; lặn, đua thuyền...)	1) Bơi 50m tính thành tích (giây): Thí sinh chọn Thí sinh chọn các kiểu bơi để thực hiện (bơi tự do; bơi ếch; bơi ngựa; bơi bướm). 2) Dẻo gập thân (cm)
Bóng đá	1) Dẫn bóng luôn cọc 20m (giây) 2) Đá bóng xa trong hành lang 10 mét (m)
Cầu lông	1) Di chuyển đánh cầu phải, trái thấp tay 6 góc sân (10 quả) 2) Phông cầu vào ô 0,76m x 5,18m (10 quả)
Bóng rổ	1) Bật với có đà (cm) 2) Dẫn bóng tốc độ 20m (giây)
Bóng bàn	1) Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay (lần) 2) Kỹ thuật chặn đẩy trái tay (lần)
Bóng chuyền	1) Di chuyển chuyền bóng vào tường (lần) 2) Bật với có đà (cm)
Cờ vua	1) Giải 01 bài cờ thế 2 nước trong thời gian 02 phút 2) Thực hiện 01 bài ghi nhớ thế cờ trong 30 giây
Võ thuật (Karate; Teakwondo; Võ Cổ truyền; kick boxing...)	Chọn 02 trong 04 nội dung sau: (cho tất cả bộ môn Võ) 1) Thực hiện bài quyền tay không hoặc binh khí (điểm) 2) Đánh gió 2 phút; (điểm) 3) Di chuyển lặp lại chạm đích, cự ly thay đổi 5m, 10m, 15m; (giây)

Chuyên ngành	Nội dung thi
	4) Lướt đá ngang hoặc đá vòng cầu vào 02 vật chuẩn cao 1,2m và khoảng cách 3m (số lần)
Quần vợt - Pickleball	<p>Chọn nội dung thi của một trong hai môn (Quần vợt hoặc Pickleball):</p> <p>* <u>Quần vợt</u>:</p> <p>1) Đánh bóng xoáy lên bên phải và bên trái (10 quả)</p> <p>2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả)</p> <p>* <u>Pickleball</u>:</p> <p>1) Thực hiện kỹ thuật đánh bóng thuận và trái tay (10 quả)</p> <p>2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả)</p>
Khoa học vận động	<p>Chọn 02/04 nội dung sau:</p> <p>1) Chạy lượn cọc 30m (giây)</p> <p>2) Nhảy dây 01 phút (số lần)</p> <p>3) Nằm sấp chống đẩy tối đa (số lần)</p> <p>4) Đeo gập thân (cm)</p>
Thể thao giải trí	
Golf	
Quản lý Tổ chức sự kiện và Truyền thông thể thao	

6.4. Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu TĐTT:

Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu được quy định chi tiết trong Đề án thi năng khiếu tại địa chỉ: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Đối tượng Tuyển thẳng

- Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp TĐTT), tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á;

* Lưu ý: Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

7.2. Đối tượng Ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng tại mục 7.1 được ưu tiên xét tuyển vào ngành học do thí sinh đăng ký (nếu không dùng quyền tuyển thẳng);

- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp TĐTT) đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục TĐTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia.

*** Lưu ý:** Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển (từ tháng 8/2021 – 8/2025).

7.3. Đối tượng miễn thi môn năng khiếu và đạt điểm 10

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đảm bảo các điều kiện sau:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp TĐTT) đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục TĐTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia.

- Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào theo ngành đăng ký xét tuyển:

*** Lưu ý:** Thời gian đạt giải/huy chương không quá 4 năm tính đến ngày đăng ký dự thi, xét tuyển vào trường (từ tháng 8/2021 – 8/2025)

7.4. Đối tượng miễn thi môn năng khiếu và đạt điểm 9.0

Thí sinh đạt đẳng cấp vận động viên (VĐV) cấp 1; cấp 2 quốc gia, VĐV đã từng đạt huy chương (hoặc giải nhất, nhì, ba) tại Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội TĐTT toàn quốc, VĐV đạt huy chương tại các giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc, VĐV đạt huy chương các giải trẻ khu vực, giải trẻ quốc gia, giải trẻ quốc tế;

7.5. Mức điểm cộng ưu tiên

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh ở khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được cộng điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho đối tượng Ưu tiên 1 (UT1) là 2,0 điểm (bao gồm các đối tượng 01 – 02 – 03 – 04), nhóm đối tượng Ưu tiên 2 (UT2) là 1,0 điểm (bao gồm các đối tượng 05 – 06 – 07).

7.6. Hồ sơ hưởng chế độ ưu tiên

- Bản sao có công chứng giấy chứng nhận thuộc các đối tượng ưu tiên đối với các VĐV diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;

- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để được hưởng đối tượng ưu tiên là bản giấy khai sinh, bản sao CCCD hoặc giấy tờ hợp pháp chứng minh thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 18 tháng trở lên tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc học trung cấp;

- Đối với thí sinh thuộc đối tượng con của người có công với cách mạng: Giấy chứng nhận để được hưởng đối tượng ưu tiên là bản sao Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thí sinh phải xuất trình bản chính của các giấy tờ thuộc diện ưu tiên nêu trên để Trường đối chiếu khi nhập học.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển năng khiếu

- Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lệ phí thi môn năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.

- Lệ phí xét tuyển thẳng, UTXT, miễn thi NK: 30.000 đồng/thí sinh.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm thành tích năng khiếu, mức điểm ưu tiên sai lệch, giấy báo dự thi thất lạc...).

10. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

- Học phí năm học 2025 – 2026 được thu theo đơn vị tín chỉ:
- + Ngành Giáo dục thể chất: 631.000 đồng/tín chỉ
- + Ngành Quản lý Thể dục thể thao: 636.000 đồng/tín chỉ
- + Ngành Huấn luyện thể thao: 631.000 đồng/tín chỉ
- Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.
- Ngành Giáo dục thể chất chỉ tổ chức xét tuyển khi có đầy đủ các điều kiện thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.
- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất (nếu tổ chức đào tạo) khi đủ điều kiện trúng tuyển và nhập học phải đăng ký học theo các chuyên ngành do Trường tổ chức và không được chuyển qua các ngành khác.
- Thí sinh trúng tuyển ngành Huấn luyện thể thao, ngành Quản lý thể thao khi làm thủ tục nhập học nếu số lượng thí sinh theo các môn thi năng khiếu ít được đăng ký chuyển sang các chuyên ngành khác phù hợp theo hướng dẫn của Trường.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	TTD	Đào tạo giáo viên	7140206	Giáo dục thể chất		20	0	0	36	0	0
2.	TTD	Cử nhân Quản lý TDDT	7810301	Quản lý TDDT	Xét học bạ THPT	06	04	17.00	07	04	22.00
					Xét điểm thi THPT	0	0	0	08	01	22.50
					Xét học bạ THPT và thi NK TDDT	15	20	18.00	25	08	17.00
					Xét điểm thi THPT và thi NK TDDT	05	07	23.00	15	30	20.50
					Tuyển thẳng/UTXT	04	02	20.00	03	0	0
3.	TTD	Cử nhân Huấn luyện viên TDDT	7810301	Huấn luyện thể thao	Xét học bạ THPT và thi NK TDDT	230	187	18.00	235	115	18.00
					Xét điểm thi THPT và thi NK TDDT	45	69	18.00	90	235	20.50
					Tuyển thẳng/UTXT	40	64	17.50	65	70	21.00

III. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC, TUYỂN SINH LIÊN THÔNG VLVH (Phần phụ lục)

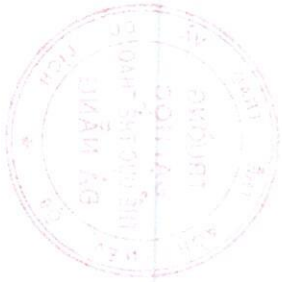
Cán bộ tuyển sinh


ThS Hoàng Ngọc Việt
0905502113
ngocvietupes3@gmail.com

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 5 năm 2025



PGS.TS Phan Thanh Hải



PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 580/QĐ-TDĐTĐN ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025 Hình thức đào tạo: Đại học Vừa làm vừa học

I. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện

- *Đối tượng dự thi:* Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam và thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp TĐTT và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- *Điều kiện:* - Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình, dị tật, khuyết tật). Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học nhà Trường sẽ tổ chức khám sức khỏe, nếu thí sinh có kết luận của cơ quan y tế không đủ khả năng học tập vì lý do sức khỏe và bệnh lý thì thí sinh không đủ điều kiện theo học tại Trường.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.

2. Phương thức tuyển sinh:

Các phương thức tuyển sinh, bao gồm: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu Thể dục thể thao (TĐTT):

TT	Phương thức (PT)	Mã phương thức	Ngành tuyển sinh
1	PT1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	301	- Giáo dục thể chất; - Quản lý TĐTT; - Huấn luyện thể thao
2	PT3: Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi tuyển môn năng khiếu TĐTT	405	- Giáo dục thể chất; - Quản lý TĐTT; - Huấn luyện thể thao
3	PT4: Xét tuyển điểm kết quả học tập THPT (học bạ) và điểm thi môn năng khiếu TĐTT	406	- Giáo dục thể chất; - Quản lý TĐTT; - Huấn luyện thể thao

3. Quy tắc quy đối tượng đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- *Đối tượng không áp dụng ngưỡng đầu vào:* Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển; Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế.

- Thí sinh nộp đầy đủ hồ sơ và đảm bảo tính chính xác các minh chứng về các chế độ ưu tiên diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và miễn thi năng khiếu.

3.1.2. Phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi tuyển năng khiếu TDTT (Mã 405)

Thí sinh đảm bảo các điều kiện về ngưỡng đầu vào như sau:

TT	Ngành xét tuyển	Điều kiện đảm bảo ngưỡng đầu vào
1	Giáo dục thể chất	- Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.00 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
2	Quản lý Thể dục thể thao	- Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10). - Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường quy định
3	Huấn luyện thể thao	- Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10). - Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường quy định

3.1.3. Phương thức xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) kết hợp điểm thi tuyển năng khiếu TDTT (Mã 406)

Thí sinh đảm bảo các điều kiện về ngưỡng đầu vào như sau:

TT	Ngành xét tuyển	Điều kiện đảm bảo ngưỡng đầu vào
1	Giáo dục thể chất	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức khá (học lực xếp loại khá)</i> trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
2	Quản lý Thể dục thể thao	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức đạt (học lực xếp loại trung bình trở lên)</i> theo tổ hợp môn xét tuyển. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
3	Huấn luyện thể thao	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá <i>mức đạt (học lực xếp loại trung bình trở lên)</i> theo tổ hợp môn xét tuyển. - Điểm thi tuyển môn năng khiếu TDTT đạt từ 6.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

3.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển của thí sinh được xác định theo ngành đăng ký và theo các phương thức tuyển sinh.

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm xét tuyển của thí sinh, bao gồm tổng điểm các tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).

- Thang điểm, quy tắc quy đổi điểm tương đương xác định thí sinh trúng tuyển giữa các phương thức được Trường công bố sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

3.2.1. Điểm xét tuyển ngành Giáo dục thể chất

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH}} + \text{Đ}_{\text{NK1}} + \text{Đ}_{\text{NK2}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - Đ_{VH} : Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

- Đ_{NK2} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chuyên ngành

Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2) chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, không làm tròn điểm thi năng khiếu.

- Đ_{UT} : Điểm ưu tiên = Đ_{UT} khu vực + Đ_{UT} đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7, 5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

3.2.2. Điểm xét tuyển ngành Quản lý TDTT và ngành Huấn luyện thể thao

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{M1}} + \text{Đ}_{\text{M2}} + \text{Đ}_{\text{NK1}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: - $\text{Đ}_{\text{M1}}, \text{Đ}_{\text{M2}}$: Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển

- Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT

- Đ_{UT} : Điểm ưu tiên = Đ_{UT} khu vực + Đ_{UT} đối tượng

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh dưới **22.50 điểm** thì điểm ưu tiên (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng) được thực hiện theo khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm xét tuyển của thí sinh đạt từ **22.50 điểm** trở lên thì điểm ưu tiên thực hiện như sau:

Điểm UT = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7, 5] * \text{Mức điểm ưu tiên}$ (theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân (Sử dụng cho các phương thức và tổ hợp).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Số 44 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	GDTC	Giáo viên Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất (Nhóm ngành Đào tạo giáo viên)	189	<p>Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.</p> <p>Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT.</p> <p>Tổ hợp 1: Toán – NK1 – NK2</p> <p>Tổ hợp 2: Ngữ văn – NK1 – NK2</p> <p>Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TĐTT.</p> <p>T01: Toán – NK1 – NK2</p> <p>T02: Ngữ văn – NK1 – NK2</p>	
2.	QLTĐTT	Cử nhân Quản lý thể dục thể thao	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Nhóm ngành Thể dục thể thao)	40	<p>Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.</p> <p>Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT.</p> <p>T02: Toán – Ngữ văn – NK1</p> <p>T03: Toán – Sinh – NK1</p> <p>T08: Toán – GDCD – NK1</p> <p>T09: Toán – GDKTPL – NK1</p> <p>Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TĐTT.</p>	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						T02: Toán – Ngữ văn – NK1 T03: Toán – Sinh – NK1 T08: Toán – GDCD – NK1 T09: Toán – GDKTPL – NK1	
3.	HLTT	Cử nhân Huấn luyện viên thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao (Nhóm ngành Thể dục thể thao)	150	Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh. Phương thức 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu TDĐT. T02: Toán – Ngữ văn – NK1 T03: Toán – Sinh – NK1 T08: Toán – GDCD – NK1 T09: Toán – GDKTPL – NK1 Phương thức 3: Xét điểm học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) và điểm thi năng khiếu TDĐT. T02: Toán – Ngữ văn – NK1 T03: Toán – Sinh – NK1 T08: Toán – GDCD – NK1 T09: Toán – GDKTPL – NK1	

Ghi chú: NK1 - Năng khiếu 1; GDCD – Giáo dục công dân; GDKTPL – Giáo dục kinh tế và pháp luật

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện sử dụng xét tuyển:

Tiêu chí 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Tiêu chí 2: Thể hình cân đối, có sức khỏe tốt, không bị dị tật, khuyết tật, dị hình, không bị bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh.

Tiêu chí 3: Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện đăng ký xét tuyển theo phương thức, tổ hợp xét tuyển/thi tuyển.

Tiêu chí 4: Có tham gia dự thi tuyển đầu vào môn năng khiếu TDTT đối với các ngành/tổ hợp bắt buộc kiểm tra năng khiếu do Trường Đại học TDTT Đà Nẵng tổ chức và đạt ngưỡng điểm năng khiếu quy định theo ngành đăng ký xét tuyển.

5.2. Điểm cộng: Không có

5.3. Tiêu chí phân ngành xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng các tiêu chí xét tuyển ở **mục 5.1**, điểm trúng tuyển lấy từ thí sinh có điểm cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

- Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì thí sinh nào có điểm thi năng khiếu cao hơn thì được ưu tiên xếp cao hơn.

- Các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành, các phương thức của Trường được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo các điều kiện trúng tuyển.

- Thí sinh không trúng tuyển vào ngành thứ nhất sẽ được xét vào ngành thứ 2 theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển (nếu còn chỉ tiêu). Nguyên tắc xét tuyển giữa 2 ngành là: ưu tiên xét tuyển hết nguyện vọng 1 sau đó còn chỉ tiêu mới xét nguyện vọng 2 và các nguyện vọng tiếp theo.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian, hình thức thi năng khiếu TDTT

Tổ chức thi tuyển năng khiếu tại Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 09/8 – 10/8/2025;

- Đợt 2: Tháng 9 – 11/2025;

6.2. Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký thi và xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT: Từ tháng 6 năm 2025 đến trước 05 ngày của các đợt thi môn năng khiếu.

- Hình thức và địa điểm nhận hồ sơ tuyển sinh năng khiếu TDTT: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại đường link sau: <https://dsu.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh>

Thí sinh nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ:

Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT Trường Đại học TDTT Đà Nẵng, số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Điện thoại 0236.746631; Hotline: 0915090123; 0973427101.

- Hồ sơ đăng ký thi tuyển và xét tuyển bao gồm:

+ Học bạ THPT bản photo công chứng (nộp sau khi có kết quả học tập);

+ Căn cước công dân (bản photo);

+ Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024 trở về trước) hoặc pho to công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời, giấy chứng nhận kết quả thi THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025; (nộp sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT);

+ 2 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như: con liệt sĩ, con thương binh, đối tượng ở vùng 1, vùng đặc biệt khó khăn.... nếu thuộc trong các đối tượng này.

Nếu thí sinh là VĐV thuộc đối tượng tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển, miễn thi năng khiếu thì nộp thêm các loại giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;
- Phiếu đăng ký xét miễn thi;
- Quyết định cử VĐV đi thi đấu tại các giải Quốc tế chính thức hoặc Giấy xác nhận là thành viên của đội tuyển quốc gia tham dự các giải quốc tế chính thức; hoặc Giấy chứng nhận đạt huy chương.

Quyết định công nhận đẳng cấp VĐV kiện tướng, dự bị kiện tướng, VĐV đẳng cấp 1, 2 hoặc bản sao công chứng giấy chứng nhận đạt huy chương, đạt giải của các giải vô địch Quốc gia, khỏe Phù Đổng toàn quốc, Đại hội TDTT toàn quốc, giải thể thao học sinh toàn quốc, giải trẻ khu vực, giải trẻ quốc gia và giải quốc tế.

6.3. Nội dung thi tuyển môn năng khiếu TDTT

6.3.1. Nội dung thi năng khiếu ngành Giáo dục thể chất

- Nội dung bắt buộc:

Ngành	Nội dung thi
Giáo dục thể chất	1) Bật xa tại chỗ (cm) 2) Chạy 100m (giây)

- Nội dung tự chọn: Thí sinh chọn một (01) trong các chuyên ngành sau:

Chuyên ngành	Nội dung thi
Điền kinh	Chọn 01 trong các nội dung: Chạy 100m (giây), chạy 800m (giây), đẩy tạ (m) nhảy cao (m), nhảy xa (m)
Thể dục	1) Dẻo gập thân (cm) 2) Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)
Thể thao dưới nước (Bơi; lặn, đua thuyền...)	1) Bơi 50m tính thành tích (giây): Thí sinh chọn Thí sinh chọn các kiểu bơi để thực hiện (bơi tự do; bơi ếch; bơi ngửa; bơi bướm). 2) Dẻo gập thân (cm)
Bóng đá	1) Dẫn bóng luân cọc 20m (giây) 2) Đá bóng xa trong hành lang 10 mét (m)
Cầu lông	1) Di chuyển đánh cầu phải, trái thấp tay 6 góc sân (10 quả) 2) Phông cầu vào ô 0,76m x 5,18m (10 quả)
Bóng rổ	1) Bật với có đà (cm)

Chuyên ngành	Nội dung thi
	2) Dẫn bóng tốc độ 20m (giây)
Bóng bàn	1) Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay (lần) 2) Kỹ thuật chặn đẩy trái tay (lần)
Bóng chuyền	1) Di chuyển chuyền bóng vào tường (lần) 2) Bật với có đà (cm)
Cờ vua	1) Giải 01 bài cờ thế 2 nước trong thời gian 02 phút 2) Thực hiện 01 bài ghi nhớ thế cờ trong 30 giây
Võ thuật (Karate; Teakwondo; Võ Cổ truyền; kick boxing...)	Chọn 02 trong 04 nội dung sau: (cho tất cả bộ môn Võ) 1) Thực hiện bài quyền tay không hoặc binh khí (điểm) 2) Đánh gió 2 phút; (điểm) 3) Di chuyển lặp lại chạm đích, cự ly thay đổi 5m, 10m, 15m; (giây) 4) Lướt đá ngang hoặc đá vòng cầu vào 02 vật chuẩn cao 1,2m và khoảng cách 3m (số lần)
Quần vợt - Pickleball	Chọn nội dung thi của một trong hai môn (Quần vợt hoặc Pickleball): * <u>Quần vợt</u> : 1) Đánh bóng xoáy lên bên phải và bên trái (10 quả) 2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả) * <u>Pickleball</u> : 1) Thực hiện kỹ thuật đánh bóng thuận và trái tay (10 quả) 2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả)

6.3.2. Nội dung thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao, ngành Quản lý TĐTT

TT	Ngành	Nội dung thi
1	Quản lý Thể dục thể thao	1) Bật xa tại chỗ (cm)
2	Huấn luyện thể thao	2) Chạy 100m (giây)

6.4. Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu TĐTT:

Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu được quy định chi tiết trong Đề án thi năng khiếu tại địa chỉ: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Đối tượng Tuyển thẳng

- Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp TĐTT), tham gia đội

tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á;

** Lưu ý: Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.*

7.2. Đối tượng Ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng tại mục 7.1 được ưu tiên xét tuyển vào ngành học do thí sinh đăng ký (nếu không dùng quyền tuyển thẳng);

- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp TĐTT) đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục TĐTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia.

** Lưu ý: Thời gian đạt giải để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển.*

7.3. Đối tượng miễn thi môn năng khiếu và đạt điểm 10

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đảm bảo các điều kiện sau:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp TĐTT) đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục TĐTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia.

- Đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào theo ngành đăng ký xét tuyển:

** Lưu ý: Thời gian đạt giải/huy chương không quá 4 năm tính đến ngày đăng ký dự thi, xét tuyển vào trường.*

7.4. Đối tượng miễn thi môn năng khiếu và đạt điểm 9.0

Thí sinh đạt đẳng cấp vận động viên (VĐV) cấp 1; cấp 2 quốc gia, VĐV đã từng đạt huy chương (hoặc giải nhất, nhì, ba) tại Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội TĐTT toàn quốc, VĐV đạt huy chương tại các giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc, VĐV đạt huy chương các giải trẻ khu vực, giải trẻ quốc gia, giải trẻ quốc tế;

7.5. Mức điểm cộng ưu tiên

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh ở khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được cộng điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho đối tượng Ưu tiên 1 (UT1) là 2,0 điểm (bao gồm các đối tượng 01 – 02 – 03 – 04), nhóm đối tượng Ưu tiên 2 (UT2) là 1,0 điểm (bao gồm các đối tượng 05 – 06 – 07).

7.6. Hồ sơ hưởng chế độ ưu tiên

Bản sao có công chứng giấy chứng nhận thuộc các đối tượng ưu tiên đối với các VĐV diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, miễn thi; Minh chứng hưởng chế độ ưu tiên khu vực, đối tượng trong tuyển sinh và trong quá trình học tập. Thí sinh phải xuất trình bản chính của các giấy tờ thuộc diện ưu tiên nêu trên để Trường đối chiếu khi nhập học.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển năng khiếu

- Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lệ phí thi môn năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển thẳng, UTXT, miễn thi NK: 30.000 đồng/thí sinh.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm thành tích năng khiếu, mức điểm ưu tiên sai lệch, giấy báo dự thi thất lạc...).

10. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

- Học phí năm học 2025 – 2026:
 - + Ngành Giáo dục thể chất: 631.000 đồng/tín chỉ
 - + Ngành Quản lý Thể dục thể thao: 636.000 đồng/tín chỉ
 - + Ngành Huấn luyện thể thao: 631.000 đồng/tín chỉ
- Học phí đối với các lớp thuộc liên kết đào tạo thực hiện theo hợp đồng giữa Trường với cơ sở liên kết đào tạo theo mức quy định của Nhà nước.
- Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.
- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất khi đủ điều kiện trúng tuyển và nhập học phải đăng ký học theo các chuyên ngành do Trường tổ chức và không được chuyển qua các ngành khác.
- Thí sinh đăng ký xét tuyển đại học chính quy được sử dụng kết quả thi năng khiếu sang hình thức vừa làm vừa học để xét tuyển (nếu đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy định).

11. Thông tin tuyển sinh của năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024		
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	TTD	Đào tạo giáo viên	7140206	Giáo dục thể chất	301	250	0	-
					303		3	19.00
					405		42	18.00
					406		60	19.00
2.	TTD	Cử nhận Huấn luyện viên TDDT	7810301	Huấn luyện thể thao	301	70	0	-
					303		0	17.00
					405		0	-
					406		50	17.00

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 580/QĐ-TDĐTĐN ngày 12 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

Hình thức đào tạo: Liên thông đại học vừa làm vừa học

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- *Đối tượng dự thi:* Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng TĐTT, cao đẳng sư phạm TĐTT; cao đẳng sư phạm ngành giáo dục thể chất; tốt nghiệp cao đẳng các ngành: Sư phạm Thể dục – Kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Thể dục – Công tác đoàn đội, Sư phạm Thể dục – Sinh...

- *Điều kiện:* Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình dị tật, khuyết tật).

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết quả học tập trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc xét kết quả học tập trung học phổ thông (học bạ cả năm lớp 12);

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng đầu vào như sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại trung bình trở lên (đối với phương thức đào tạo tín chỉ); loại trung bình khá trở lên (đối với phương thức đào tạo niên chế học phần).

3.2. Điểm trúng tuyển:

Điểm trúng tuyển là tổng điểm xét tuyển của thí sinh, bao gồm tổng điểm các tổ hợp môn xét tuyển (đối với xét kết quả học tập THPT); tổng điểm trung bình chung tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học theo các phương thức đào tạo. Điểm trúng tuyển được công bố sau khi được Hội đồng tuyển sinh xét kết quả hồ sơ thí sinh đăng ký.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
TTD	Giáo viên Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất (Nhóm ngành Đào tạo giáo viên)	32	Phương thức 1: Xét kết quả học tập THPT (học bạ cả năm lớp 12) theo các tổ hợp sau: B03: Toán - Ngữ văn – Sinh học C01: Toán - Ngữ văn - Vật lý C03: Toán - Ngữ văn - Lịch sử C04: Toán - Ngữ văn - Địa lí Phương thức 2: Xét tuyển kết quả tốt nghiệp THPT Phương thức 3: Xét tuyển kết quả tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào Trường

5.1. Các điều kiện sử dụng xét tuyển

- Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành.
- Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì các điều kiện xét như sau:

+ Thí sinh nào có điểm trung bình tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học toàn khoá cao hơn thì được ưu tiên xếp cao hơn (xuất sắc – giỏi – khá – trung bình khá/trung bình);

+ Thí sinh nào có kết quả học tập lớp 12 đạt loại cao hơn xếp trên (giỏi – khá – đạt/trung bình);

5.2. Điểm cộng: Không có

5.3. Tiêu chí phân ngành đào tạo

Thí sinh không trúng tuyển vào ngành theo phương thức thứ nhất sẽ được xét vào theo phương thức 2, hoặc phương thức tiếp theo (nếu đủ điều kiện).

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian xét tuyển:

- Xét tuyển đợt 1: Tháng 6 - 7/2025
- Xét tuyển đợt 2: Tháng 8 - 9/2025 (nếu còn chỉ tiêu)

6.2. Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký : Bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký từ tháng 4 đến tháng 7/2025 đối với đợt 1,

- Hình thức và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển:

+ Đăng ký trực tuyến tại website của Trường: www.dsu.edu.vn;

+ Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng, số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê,

quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng: ĐT: 0236.746631; Hotline: 0932591985

- Hồ sơ đăng ký thi tuyển và xét tuyển bao gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển;

+ Bản sao công chứng bằng và bảng điểm tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học;

+ Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT; học bạ THPT;

+ 2 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như Quyết định tuyển dụng, hoặc hợp đồng lao động, con liệt sĩ, con thương binh, đối tượng ở vùng đặc biệt khó khăn... nếu thuộc trong các đối tượng này.

7. Tuyển thẳng: Không áp dụng

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 350.000 đồng/thí sinh

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm mức điểm, sai lệch kết quả xét, giấy báo dự thi thất lạc...).

10. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

- **Học phí:** Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Học phí dự kiến như sau:

Hệ đào tạo	Đơn giá (đồng/năm học)		
	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Đại học liên thông VLVH	21.970.000	24.830.000	28.080.000

Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.

11. Thông tin tuyển sinh của năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	TTD	Đào tạo giáo viên	7140206	Giáo dục thể chất	406	50	54	15.00/30
					500			5.0/10